TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2026/HS-ST
Ngày 01-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hiền – Giáo viên, Phó hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Đông Quý;

Bà Tô Thị Hương – Nguyên cán bộ Đoàn, Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Ái Quốc;

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Trinh, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2026/TLST-HS ngày 02/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HS ngày 25/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/HSST-QĐ ngày 12/3/2026, đối với bị cáo: **Trần Quốc T**, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2008 tại xã S, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn B, xã S, tỉnh Hà Tĩnh; căn cước công dân số 042208011285, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị O; chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 27/11/2025 cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh H (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1987 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1991; cư trú: Thôn B, xã S, tỉnh Hà Tĩnh (bố, mẹ đẻ của bị cáo T) (có mặt bà O vắng mặt ông T1);

- Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Trần Thị Hà P – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm T4, tỉnh Hưng Yên (có mặt);

- Bị hại: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1975; cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Lai Châu (có mặt);

- Người được ủy quyền của bị hại: Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979; cùng cư trú: Số nhà C, phố C, thôn B, xã T, tỉnh Lai Châu (có mặt anh T2, vắng mặt chị H1);

- Những người tham gia tố tụng khác:

* Người làm chứng: Anh Ngân Văn M, sinh năm 1992; cư trú: Bản X, xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt); anh Ngân Văn D, sinh năm 1982; cư trú: Bản X, xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt); chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979; cư trú: Thôn V, xã N, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt); ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1969; cư trú: Thôn V, xã N, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

* Những người làm công tác xã hội: Ông Đặng Hồng V, Chuyên viên HĐND – UBND xã T, tỉnh Hưng Yên (có mặt) và bà Hồ Thị T3, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản H4, xã S, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 16/11/2025, tại trang trại nuôi lợn của gia đình bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1969, ở Thôn V, xã N, tỉnh Hưng Yên, lúc này có anh Ngân Văn D, sinh năm 1982; cư trú: Bản X, xã T, tỉnh Nghệ An đi ra bàn tại trang trại ngối uống nước, sau đó lần lượt có anh Phạm Văn H, sinh năm 1975; cư trú: Tổ dân phố C, xã T, tỉnh Lai Châu cũng ra ngồi tại đầu giường cách bàn uống nước khoảng 20 – 30 cm nói chuyện, bị cáo Trần Quốc T đi từ phòng ăn của trang trại ngồi tại đầu giường bên trái gần anh H, anh D và anh H nói chuyện với nhau về công việc làm ngày mai của trang trại thì bị cáo T nói chen vào cuộc nói chuyện của anh H và anh D, thấy vậy anh H chửi bị cáo T "ĐMM, con mẹ mày…. Người lớn đang nói chuyện cứ chõ mõm vào" vì cùng là người làm công ăn lương tại trang trại nuôi lợn nên bị cáo T thấy bức xúc với việc anh H chửi mình, nên bị cáo T lời qua tiếng lại với anh H, lúc này anh Ngân Văn M, sinh năm 1992; cư trú: Bản X, xã T, tỉnh Nghệ An đi từ phòng ăn của trang trại ra khu vực bàn uống nước kéo ghế ngồi xuống, bị cáo T đứng dậy đi đến chỗ anh H và nói với anh H "Ông thử nói ĐM câu nữa xem, cháu đấm ông luôn đấy" thấy vậy anh H nói với bị cáo T "Bố mày đang nói chuyện mày cứ chõ mõm vào" bị cáo T nói lại "Ông thử ĐM câu nữa xem nào" thấy vậy anh H chửi bị cáo T "ĐMM" ngay lập tức bị cáo T lấy tay phải của mình cầm chiếc điếu cày làm bằng tre, màu nâu, hình trụ dài 45 cm, đường kính 4,5 cm, ống tre dày 0,4 cm để

trong chiếc thùng sơn màu trắng ở khu vực bàn uống nước đứng dậy, chân phải của bị cáo T bước lên một bước về phía anh H và đứng đối diện với anh H, tay phải cầm chiếc điếu cày bị cáo T vung lên phía trên đầu và vụt mạnh một phát theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái về phía vùng mặt của anh H và nói "Này thì ĐMM này" thân chiếc điếu cày vụt trúng mắt bên trái của anh H, anh H bị điếu cày vụt trùng mắt trái thì ngã nghiêng người sang bên phải, chiếc điếu cày tuột khỏi tay bị cáo T rơi xuống đất văng về phía cửa phòng ngủ tại trang trại, chiếc lõ điếu cày bật rời khỏi thân điếu, phần dưới thân điếu cày bị vỡ, bị cáo T nói "Chửi đến bố, mẹ cháu là mệt đấy", bị hại anh H bị thương ở vùng mắt bên trái máu chảy ra, thấy vậy bị cáo T không dám đánh tiếp bị hại anh H nữa mà quay ra mượn điện thoại di động của anh H3 vì điện thoại di động của bị cáo T bị hỏng không gọi điện được, bị cáo T gọi điện thoại cho bà H2 vợ ông R chủ trang trại lợn, nói "Cô ra đưa chú H đi viện, cháu đánh chú ấy chảy máu rồi" sau đó bị hại anh H được mọi người đưa đi Bệnh viện để cứu chữa, bị cáo T ở lại trang trại và thừa nhận với mọi người là đã dùng điếu cày vụt gây thương tích ở mắt trái cho anh H và nói "Việc tôi làm thì tôi chịu" sau đó Cơ quan Công an đã triệu tập bị cáo T lên làm việc. Bị hại anh H được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ từ ngày 16/11/2025 đến ngày 26/11/2025 thì được xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 199/2025/KLTTCT-TTPY&GĐYK ngày 24/11/2025 và Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 221/2025/KLTTCT-BS-TTPY&GĐYK ngày 12/12/2025 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa Sở Y tế tỉnh H, kết luận: Thương tích của bị hại Phạm Văn H, mắt trái khoét bỏ nhãn cầu, gãy thành trong ổ mắt trái, đứt lệ quản dưới mắt trái (đứt lệ đạo) đã phẫu thuật kết quả tốt. Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại anh Phạm Văn H tại thời điểm giám định là 63%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích là do dạng vật tày cứng và vật cứng có cạnh gây nên.

Tại bản Cáo trạng số 71/CT-VKS-KV6 ngày 30/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134) của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (sau đây viết tắt là BLHS).

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của BLHS; điểm d khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên (sau đây viết tắt là LTPNCTN).

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội "*Cố ý gây thương tích"*.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 04 (năm) 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2025.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; các điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLDS). Đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm, giữa bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo và bị hại, cụ thể như sau: Bị cáo Trần Quốc T và người đại diện theo pháp luật của bị cáo, phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Phạm Văn H, các khoản gồm: Chi phí cho việc cấp cứu, điều trị, thay mắt giả, tổn thất tinh thần và các chi phí khác tổng là 128.392.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS): Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy vật chứng là: 01 chiếc lõ điếu cày bằng gỗ màu nâu, dài 10 cm, phần đuôi lõ điếu có đường kính 01 cm, phần đầu lõ điếu hình tròn đường kính 5,5 cm và 01 thân điếu cày hình trụ, màu vàng nâu bằng tre dài 45 cm, đường kính 4,5 cm, dày 0,4 cm. Phần thân dưới điếu cày có vết nứt vỡ mới, trên thân điếu cày cách vị trí vỡ 11 cm có 01 lỗ hình trụ tròn để đặt lõ điếu, trên thân điếu có sơ họa tiết bằng mực đen.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của BLTTHS, tuyên quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định, đối với bị cáo Trần Quốc T, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc T trình bày lời bào chữa cho bị cáo, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật đề nghị áp dụng để xét xử đối với bị cáo, Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét về hoàn cảnh dẫn đến bị cáo thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo cũng như hoàn cảnh gia đình của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng để xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất, bị cáo T và người đại diện theo pháp luật của bị cáo không có ý kiến bổ sung vào lời bào chữa của người bào chữa, nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa.

Bị cáo Trần Quốc T nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra đối với bị hại, bị cáo thành thật xin lỗi bị hại và bị cáo xin

HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên toà sơ thẩm vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị hại (chị H1), người đại diện theo pháp luật của bị cáo (ông T1), người làm công tác xã hội (bà T3) và những người làm chứng (anh M, anh D và chị H2) nhưng họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, việc họ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án, căn cứ vào các Điều 292, 293 và 296 của BLTTHS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tự chung.

[2] Vào khoảng 19 giờ 10 phút ngày 16/11/2025, tại Trang trại nuôi lợn của gia đình bà Nguyễn Thị H2 và ông Nguyễn Văn R ở thôn V, xã N, tỉnh Hưng Yên, chỉ do mâu thuẫn nhỏ nhặt, coi thường sức khỏe của người khác, bị cáo Trần Quốc T đã cố ý dùng chiếc điếu cày làm bằng tre dài 45 cm, đường kính 4,5 cm, dày 0,4 cm là hung khí nguy hiểm để vụt 01 phát trúng vào mắt trái của bị hại anh Phạm Văn H, gây tổn thương cơ thể cho anh H với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 63%. Hành vi phạm tội của bị cáo H được chứng minh bằng Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của Công an xã N, tỉnh Hưng Yên (bút lục số 01); Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường (bút lục số 86 đến bút lục số 93); Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 199/2025/KLTTCT-TTPY&GĐYK ngày 24/11/2025 và Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 221/2025/KLTTCT-BS-TTPY&GĐYK ngày 12/12/2025 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa sở y tế tỉnh H (bút lục số 31 đến số 33; bút lục số 36 đến số D); Lời khai của bị hại (bút lục số 168 đến số A); Lời khai của những người làm chứng (bút lục số 177 đến số 179; bút lục số 182 đến số B) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận, hành vi phạm tội mà bị cáo Trần Quốc T thực hiện nêu trên, đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134) của BLHS.

Điều 134. Tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

i) Có tính chất côn đồ;

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm;

...

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

...

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Trần Quốc T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Trần Quốc T thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo Trần Quốc T đã gây ra, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được hưởng. HĐXX nhận thấy rằng, chỉ do một mâu thuẫn nhỏ nhặt với bị hại và coi thường sức khỏe của bị hại, bị cáo T đã cố ý dùng chiếc điếu cày là hung khí nguy hiểm đánh và gây thương tích cho bị hại anh H với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 63%, hành vi phạm tội của bị cáo T là rất nghiêm trọng trực tiếp xâm phạm tới sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc trong xã hội và gây hoang mang dao động trong quần chúng nhân dân, HĐXX nhận thấy cần áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của BLHS. Điểm d khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 119 của LTPNCTN, để quyết định một hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian thì mới có tác dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; các Điều 584, 585, 586 và 590 của BLDS. Xét thấy thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm giữa bị cáo, người đại diện thep pháp luật của bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm, giữa bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo và bị hại, như đề nghị của Viện kiểm sát cụ thể như sau: Bị cáo Trần Quốc T và người đại diện theo pháp luật của bị cáo, phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Phạm Văn H, các khoản gồm: Chi phí cho việc cứu chữa tại Bệnh viên đa khoa T5 hết số tiền 5.947.951 đồng ông Nguyễn Văn R chủ trang trại đã chi trả không yêu cầu bồi thường và đề nghị HĐXX không đặt ra giải quyết về khoản tiền đã chi trả này, chi phí cho tiền mua thuốc sau khi ra viện 1.200.000 đồng, tiền ăn và bồi dưỡng cho bị hại 10 ngày nằm viện (16/11/2025 – 26/11/2025) là 1.696.000 đồng, tiền phục hồi chức năng bị mất (thay nhãn cầu giả cho mắt trái) của bị hại 30.000.000 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại trong 10 ngày nằm tại Bệnh viện để điều trị thương tích là 2.116.000 đồng, tiền vé xe đi lại cho người phục vụ bị hại tại Bệnh viện Đ (đi từ Lai Châu đến Hưng Yên) 02 lần là 1.000.000 đồng, thu nhập thực tế của người chăm sóc (vợ bị hại chăm sóc) 05 ngày là 1.000.000 đồng, thu nhập bị mất của bị hại do không lao động được sau khi ra viện (03 tháng) là 16.500.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần cho bị hại (32 tháng lương cơ sở) là 74.880.000 đồng. Tổng là 128.392.000 đồng. Nếu bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị cáo không tự nguyện bồi thường thiệt hại thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm bồi thường thiệt hại.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS. Đối với 01 chiếc lõ điếu cày bằng gỗ màu nâu, dài 10 cm, phần đuôi lõ điếu có đường kính 01 cm, phần đầu lõ điếu hình tròn đường kính 5,5 cm và 01 thân điếu cày hình trụ, màu vàng nâu bằng tre dài 45 cm, đường kính 4,5 cm, dày 0,4 cm. Phần thân dưới điếu cày có vết nứt vỡ mới, trên thân điếu cày cách vị trí vỡ 11 cm có 01 lỗ hình trụ tròn để đặt lõ điếu, trên thân điếu có sơ họa tiết bằng mực đen, là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy. Vật chứng đã chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Hưng Yên ngày 02/02/2026.

[8] Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của BLTTHS. Bị cáo Trần Quốc T, người đại diện của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào, điểm d khoản 4 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 46 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025. Điểm d khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên. Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 296, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 04 năm 06 tháng (bốn năm sáu tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2025.

4. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm giữa bị cáo Trần Quốc T, người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trần Quốc T và bị hại anh Phạm Văn H, cụ thể: Bị cáo Trần Quốc T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Phạm Văn H số tiền 128.392.000 đồng, bị cáo Trần Quốc T bồi thường thiệt hại bằng tài sản của mình, nếu không đủ tài sản để bồi thường thì người đại diện theo pháp luật của bị cáo T là cha, mẹ của bị cáo T (ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị O) phải có nghĩa vụ bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc lõ điếu cày bằng gỗ màu nâu dài 10 cm, phần đuôi lõ điếu có đường kính 01 cm, phần đầu lõ điếu hình tròn đường kính 5,5 cm và 01 thân điếu cày hình trụ, màu vàng nâu bằng tre dài 45 cm,

đường kính 4,5 cm, dày 0,4 cm, phần thân dưới điếu cày có vết nứt vỡ mới, trên thân điếu cày cách vị trí vỡ 11 cm có 01 lỗ hình trụ tròn để đặt lõ điếu, trên thân điếu có sơ họa tiết bằng mực đen.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/02/2026).

6. Về án phí: Bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.419.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Quốc T, người đại theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại, có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại theo pháp luật của bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 6 -Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo, người đại diện, người bào chữa; bị hại;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Xuân Bằng